TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2025
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bé Hai

Ông Phạm Phước Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2025/DS-ST ngày 14/4/2025 về việc *"Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2025/QĐXXST-DS ngày 28/5/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 39/TB-TA ngày 23/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Mộng T**, sinh năm 1977, chủ Hộ kinh doanh H.

Địa chỉ: Khóm D, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cũ).

-Bị đơn:

1. Ông **Lê Văn T1** (tên thường gọi là M), năm sinh 1979

2. Bà **Nguyễn Thị Trúc L**, năm sinh 1982

Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông T1 và bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đỗ Thị Mộng T trình bày:

Bà Đỗ Thị Mộng T là chủ Hộ kinh doanh Hoàng Q, chuyên kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thuốc thú y, thủy sản. Ông Lê Văn T1 (tên thường gọi là M) và bà Nguyễn Thị Trúc L là khách hàng có có mua nợ thức ăn

thủy sản của H kinh doanh Hoàng Q do bà Đỗ Thị Mộng T là người đại diện, việc mua thức ăn thỏa thuận thanh toán theo từng đợt. Tại biên nhận nợ tính đến ngày 25/6/2022 bị đơn còn thiếu 300.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi chưa thanh toán cho nguyên đơn. Sau khi chốt nợ vào ngày 25/6/2022 thì ông T1 và bà L có thanh toán tiếp cho nguyên đơn thêm 02 lần, cụ thể vào ngày 24/9/2022 số tiến 60.000.000 đồng và ngày 05/01/2023 số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng, sau đó ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ là 200.000.000 đồng cho đến nay. Bà T nhiều lần yêu cầu ông T1 và bà L trả cho bà T số tiền còn nợ nhưng ông T1 và bà L không trả.

Bà Đỗ Thị Mộng T yêu cầu ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Mộng T - chủ Hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền mua thức ăn còn nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Trúc L trình bày

Bà L thừa nhận bà và ông T1 trước đây có mua thức ăn chăn nuôi của bà T - chủ Hộ kinh doanh Hoàng Q, hai bên thoả thuận thanh toán toán tiền theo từng đợt, cụ thể đến khi nào bị đơn bán ếch sẽ thanh toán tiền mua thức ăn cho bà T. Tuy nhiên do việc làm ăn thua lỗ, dẫn đến không đủ khả năng thanh toán tiền mua thức ăn cho bà T. Nay bà L xác nhận bà và ông T1 còn nợ cửa hàng H1 do bà T làm chủ số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà L đồng ý một phần. Bà L đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông T1 trả cho bà T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền thức ăn còn nợ là 140.000.000 đồng. Số tiền 60.000.000 đồng thì bà L không đồng ý với lý do bà L và ông T1 và đã thanh toán cho nguyên đơn 60.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 09/02/2023 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 24/5/2023 số tiền 40.000.000 đồng, người nhận tiền là Lê Hoàng N, không biết năm sinh, nơi cư trú và số điện thoại liên hệ.

3. Ông Lê Văn T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án, không có nội dung yêu cầu, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* CCCD của bà Đỗ Thị Mộng T (bản photo), Biên nhận nợ ngày 25/6/2022 (bản viết tay, người ký ghi tên Nguyễn Văn M), Giấy phép kinh doanh (bản photo), bản viết tay đề ngày 09/02/2023 và ngày 24/5/2023 cuối dòng ghi tên Lê Hoàng N (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về *"hợp đồng mua bán tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự có mặt đương sự tại phiên tòa: Ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, đồng thời nguyên đơn Đỗ Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu tên trên.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Đỗ Thị Mộng T yêu cầu ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Mộng T - chủ Hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền mua thức ăn còn nợ là 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T và ông T1, bà L có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi, việc thanh toán tiền hàng theo từng đợt, cụ thể ông T1 và bà L sẽ trả tiền cho nguyên đơn sau mỗi đợt bán ếch. Tính đến ngày 25/6/2022, ông T1 và bà L còn nợ số tiền 300.000.000 đồng được thể hiện tại Biên nhận nợ do ông Lê Văn T1 (M) xác nhận. Sau khi chốt nợ vào ngày 25/6/2022, nguyên đơn xác nhận ông T1 và bà L có thanh toán cho nguyên đơn thêm 02 lần, cụ thể vào ngày 24/9/2022 số tiến 60.000.000 đồng và ngày 05/01/2023 số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng, sau đó ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng cho đến nay.

Bà L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn mà chỉ đồng ý một phần yêu cầu, cụ thể bà L đồng ý có trách nhiệm liên đới với ông T1 trả cho bà T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền thức ăn còn nợ là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Bà L không đồng ý trả số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng) với lý do ông T1 và bà L cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên bà L và ông T1 đã không có liên hệ bà T để xác nhận nội dung đã thanh toán số tiền 60.000.000 đồng và xác nhận đối với số tiền còn nợ lại. Việc bà L cho rằng bà và ông T1 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng không được phía nguyên đơn thừa nhận và bà L cũng không có cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên đương sự là có thật và ông T1 và bà L còn nợ bà T số tiền mua thức ăn là 200.000.000 đồng. Mục đích của ông T1 và bà L mua thức ăn chăn nuôi là để phát triển kinh tế gia đình, kiếm thêm thu nhập, tiêu xài chung trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua thức ăn còn thiếu là 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng mà bà L cho rằng đã giao cho anh Lê Hoàng N thì bà L và ông T1 không có yêu cầu trong vụ kiện này, bà L và ông T1 sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu. Do đó hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu về lãi suất: bà T không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Mộng T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà Đỗ Thị Mộng T được Tòa án chấp nhận nên Lê Văn T1 (M) và bà Nguyễn Thị Trúc L phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, với số tiền cụ thể ông T1 và bà L phải chịu là 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q.

Buộc ông Lê Văn T1 (M) và bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Mộng T - chủ Hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền mua thức ăn còn nợ là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Lê Văn T1 (M) và bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Đỗ Thị Mộng T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.807.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002313 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND khu vực 9 - Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: HSVA (Q).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhã Quyên